

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 146/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 01 tháng 7 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Về thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; vì mục đích phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; thu hồi đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ trong năm 2015

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-CP, ngày 23/5/2014 của Chính phủ về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) tỉnh Phú Yên; Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) của 09 huyện, thị xã, thành phố đã được UBND tỉnh Phú Yên xét duyệt;

Sau khi xem xét Tờ trình số 31/TTr-UBND, ngày 19/6/2014 của UBND tỉnh về thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; vì mục đích phát triển kinh tế-xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng; thu hồi đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ trong năm 2015 trên địa bàn tỉnh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; vì mục đích phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; thu hồi đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ trong năm 2015 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; với những nội dung chính như sau:

1. Tổng số công trình, dự án: 215 dự án, công trình.

2. Tổng diện tích đất thu hồi: 953,75 ha, cụ thể như sau:

a) 145 dự án, công trình không phải thu hồi đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, với tổng diện tích đất thu hồi là 697,80 ha (*chi tiết kèm theo Phụ lục số 01*).

b) 70 dự án, công trình phải thu hồi đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và các loại đất khác, với tổng diện tích đất thu hồi là 255,95 ha (*chi tiết kèm theo Phụ lục số 02*); trong đó:

- Đất trồng lúa: 54,99 ha (đất chuyên trồng lúa nước: 43,70 ha).

- Đất rừng phòng hộ: 54,30 ha.

- Các loại đất khác: 146,66 ha.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được HĐND tỉnh thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có dự án cấp bách cần phải thu hồi đất sớm, giao UBND tỉnh thống nhất ý kiến với Thường trực HĐND tỉnh trước khi thực hiện và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VI, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2015./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

Phụ lục số 01

DANH MỤC

CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH KHÔNG PHẢI THU HỒI ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2015

(Kèm theo Nghị quyết số 146/NQ-HĐND, ngày 01/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

TT	Tên dự án, công trình	Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha)				Địa điểm thực hiện, dự án, công trình	
		Tổng diện tích (khoảng)	Trong đó			Xã, phường, thị trấn	Huyện, TX, TP
			Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG CỘNG	697.80	540.86	125.01	31.93		
I	Thành phố Tuy Hòa	152.24	122.65	23.22	6.37		
1	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới trung áp tỉnh Phú Yên.	0.01	0.01				Tuy Hòa
2	Trụ sở Chi cục Hải quan Phú Yên.	0.50			0.50	An Phú	Tuy Hòa
3	Khu du lịch sinh thái biển đảo cao cấp Sunrise.	18.21		12.42	5.79	An Phú	Tuy Hòa
	Khu mặt nước.	12.42		12.42		An Phú	Tuy Hòa
	Khu đất liền.	5.79			5.79	An Phú	Tuy Hòa
4	Dự án Khu du lịch liên hợp cao cấp NewCity Việt Nam của Công ty TNHH NewCity Việt Nam.	132.60	122.00	10.60		An Phú	Tuy Hòa
	Khu mặt nước.	10.60		10.60			
	Khu đất liền.	122.00	122.00				
5	MR trụ sở của BQL Khu kinh tế Phú Yên.	0.04		0.04		phường 4	Tuy Hòa
6	Sân vận động xã An Phú.	0.40	0.40			An Phú	Tuy Hòa
7	NVH tổ 1, Phường 4.	0.01		0.01		Phường 4	Tuy Hòa
8	Nhà Văn Hóa KP Trần Phú, Phường 8.	0.01	0.01			Phường 8	Tuy Hòa
9	Nhà Văn Hóa KP Liên Tri 1.	0.08		0.08		Phường 9	Tuy Hòa
10	Nhà Văn Hóa KP 2, Phường Phú Lâm.	0.02	0.02			Phú Lâm	Tuy Hòa

11	Nhà Văn Hóa KP 1, Phường Phú Đông.	0.04		0.04		Phú Đông	Tuy Hòa
12	Nhà Văn Hóa KP 1, Phường Phú Thạnh.	0.20	0.20			Phú Thạnh	Tuy Hòa
13	NVH KP 4, Phường Phú Thạnh.	0.03		0.03		Phú Thạnh	Tuy Hòa
14	Trường Mầm non thôn Phú Vang xã Bình Kiến.	0.08			0.08	Bình Kiến	Tuy Hòa
15	Nhà văn hóa khu phố 2, phường Phú Thạnh.	0.01	0.01			Phú Thạnh	Tuy Hòa
II	Huyện Phú Hòa	1.15	0.82	0.33	0.00		
16	Chùa Hương Sơn.	0.53	0.53			Hòa Quang Bắc	Phú Hòa
17	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới trung áp tỉnh Phú Yên.	0.03	0.03			Hòa Định Đông Hòa Định Tây	Phú Hòa
18	Cấp nước tập trung thôn Phong Hậu, xã Hoà Hội.	0.03	0.03			Hòa Hội	Phú Hòa
19	Trường Mầm non xã Hoà Thắng-Điểm trường Phú Lộc.	0.23	0.23			Hòa Thắng	Phú Hòa
20	Nhà văn khu phố Định Thắng 1.	0.33		0.33		TT Phú Hòa	Phú Hòa
III	Huyện Đông Hòa	26.28	21.99	4.29	0.00		
21	Trạm BTS Vinaphone phục vụ dự án Hàm đường bộ qua Đèo Cả.	0.04	0.04			Hòa Xuân Nam	Đông Hòa
22	Công trình: Sửa chữa đường dây 110kV Tuy Hòa – Hòa Hiệp, hạng mục: Thay thế cột đỡ BTLT bằng cột neo thép tại vị trí 536.	0.01	0.01			Hòa Xuân Tây	Đông Hòa
23	Nghĩa trang huyện.	21.00	21.00			Hòa Xuân Tây	Đông Hòa
24	Chi hội Tin lành Hòa Hiệp Trung.	0.08	0.05	0.02		Hòa Hiệp Trung	Đông Hòa
25	Trạm vật liệu nổ công nghiệp phục vụ dự án Nhà máy lọc dầu Vũng Rô.	0.72	0.72			Hòa Tâm	Đông Hòa
26	Khu thể dục thể thao và nhà văn hóa thôn Phú Lương.	4.27		4.27		Hòa Tân Đông	Đông Hòa
27	Giao đất để xây dựng nhà ở cho hộ nghèo không có đất ở.	0.17	0.17			Hòa Xuân Tây	Đông Hòa
IV	Huyện Tuy An	314.57	240.29	58.00	16.28		

28	Công trình: Sửa chữa đường dây 110kV Tuy Hòa - Quy Nhơn (Cung đoạn BA 220kV Tuy Hòa – VT 315) Hạng mục: Thay thế cột néo BTLT bằng cột néo thép tại vị trí 88 (SCL 2015).	0.01	0.01			An Hiệp	Tuy An
29	Khu du lịch sinh thái biển đảo cao cấp Sunrise.	47.82	5.00	26.54	16.28	An Chấn	Tuy An
	Khu mặt nước.	26.54		26.54		An Chấn	Tuy An
	Khu đất liền.	21.28	5.00		16.28	An Chấn	Tuy An
30	Dự án Khu du lịch liên hợp cao cấp NewCity Việt Nam của Công ty TNHH NewCity Việt Nam.	240.90	209.44	31.46		An Chấn, An Mỹ	Tuy An
	Khu mặt nước.	31.46		31.46			
	Khu đất liền.	209.44	209.44				
31	Tu bổ di tích thắng cảnh Quốc gia Gành Đá Đĩa.	0.05	0.05			An Ninh Đông	Tuy An
32	Nghĩa trang đất trợ xã An Chấn.	5.00	5.00			An Chấn	Tuy An
33	Trường mầm non thôn Phú Lương xã An Ninh Đông.	0.45	0.45			An Ninh Đông	Tuy An
34	Nâng cấp mở rộng di tích lịch sử cấp Quốc gia đền Lê Thành Phương.	1.75	1.75			An Hiệp	Tuy An
35	Xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn cụm phía nam.	5.10	5.10			An Mỹ	Tuy An
36	Khu Tái định cư Nhơn Hội, xã An Hòa, huyện Tuy An.	0.90	0.90			An Hòa	Tuy An
37	Chùa Hậu Sơn.	0.90	0.90			An Xuân	Tuy An
38	Trường THCS Ngô Mây.	10.69	10.69			An Ninh Đông	Tuy An
39	Trường Mầm non thôn Phú Hạnh, xã An Ninh Đông.	0.03	0.03			An Ninh Đông	Tuy An
40	Mở rộng trường Mầm non Thôn Hòa Đa xã An Mỹ.	0.45	0.45			An Mỹ	Tuy An
41	Khép kín khu dân cư Phong Phú.	0.25	0.25			An Hiệp	Tuy An
42	Trường Mầm non thôn Phú Thường, xã An Hòa.	0.24	0.24			An Hòa	Tuy An
43	Thánh Thất Cao Đài.	0.03	0.03			An Dân	Tuy An
V	Thị xã Sông Cầu	30.22	10.55	13.29	6.38		

44	01 phòng học Trường Mầm non Xuân Phương - điểm trường Dân Phú 2.	0.15	0.15			Xuân Phương	Sông Cầu
45	01 phòng học Trường Mầm non Xuân Thọ 2 - điểm trường Hảo Danh.	0.11			0.11	Xuân Thọ 2	Sông Cầu
46	Dự án: Sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc hồ chứa nước Xuân Bình (hạng mục xây dựng mới nhà quản lý và các công trình phụ).	0.08	0.08			Xuân Bình	Sông Cầu
47	Khu dân cư Phú Vĩnh.	0.60	0.60			Xuân Đài	Sông Cầu
48	Trường THCS-THPT Nguyễn Khuyến.	1.51		1.51		Xuân Đài	Sông Cầu
49	Trường mẫu giáo An Thạnh.	0.08		0.08		Xuân Đài	Sông Cầu
50	Trường mẫu giáo Tân Thạnh.	0.12	0.12			Xuân Đài	Sông Cầu
51	Trường mẫu giáo thôn Phú Vĩnh.	0.12	0.12			Xuân Đài	Sông Cầu
52	Sân thể dục thể thao xã Xuân Lộc (thôn Chánh Lộc).	0.15		0.15		Xuân Lộc	Sông Cầu
53	Nhà văn hóa và thể thao xã Xuân Lộc.	2.60	2.60			Xuân Lộc	Sông Cầu
54	Điểm dân cư Trường THCS Bùi Thị Xuân (cũ).	0.23		0.23		Xuân Lộc	Sông Cầu
55	Trường mầm non Xuân Phương điểm trường Lê Uyên.	0.06	0.06			Xuân Phương	Sông Cầu
56	Trường Mầm non Xuân Phương điểm trường Dân Phú 2.	0.14			0.14	Xuân Phương	Sông Cầu
57	Chợ Xuân Phương.	0.50	0.16		0.34	Xuân Phương	Sông Cầu
58	Nhà văn hóa thể thao thôn Phú Mỹ.	0.86			0.86	Xuân Phương	Sông Cầu
59	Phân trường tiểu học thôn Hòa Lợi.	1.20			1.20	Xuân Cảnh	Sông Cầu
60	Điểm dân cư nông thôn thôn Hòa Lợi.	3.12	3.00		0.12	Xuân Cảnh	Sông Cầu
61	Sân bê tông và đường vào bến cá thôn Hòa Lợi.	0.25			0.25	Xuân Cảnh	Sông Cầu
62	Nghĩa trang nhân dân xã Xuân Cảnh (thôn Hòa Lợi).	5.54		5.54		Xuân Cảnh	Sông Cầu
63	Cửa hàng xăng dầu Km 1282+200 Quốc lộ 1.	0.10	0.10			Xuân Lâm	Sông Cầu
64	Đường liên vùng Long Phước - Cao Phong.	0.32	0.32			Xuân Lâm	Sông Cầu
65	Trường mẫu giáo Xuân Lâm.	0.26			0.26	Xuân Lâm	Sông Cầu
66	Trường mầm non Xuân Hải (điểm trường thôn 5).	0.04	0.04			Xuân Hải	Sông Cầu
67	Kè chống nước biển xâm thực thôn Hòa Lợi.	0.20			0.20	Xuân Cảnh	Sông Cầu

68	Khu chế biến đá VLXD thông thường tại thôn Hòa Hiệp, xã Xuân Thịnh, TX. Sông Cầu.	1.00	1.00			Xuân Thịnh	Sông Cầu
69	Điểm dân cư thôn 1.	0.16	0.16			Xuân Hải	Sông Cầu
70	Khu thể thao thôn 3 (trên nền chợ cũ).	0.11		0.11		Xuân Hải	Sông Cầu
71	Điểm dân cư Hòa Phú.	0.01	0.01			Xuân Hòa	Sông Cầu
72	Trường mẫu giáo Xuân Lộc(Điểm trường thôn Thạch Khê).	0.13	0.13			Xuân Lộc	Sông Cầu
73	Trường mẫu giáo Xuân Lộc(Điểm trường thôn Mỹ Lộc).	0.13	0.13			Xuân Lộc	Sông Cầu
74	Điểm dân cư nông thôn Cồn Đình.	0.45	0.27	0.02	0.16	Xuân Lộc	Sông Cầu
75	Sân Vận động thể dục thể thao xã Xuân Phương.	1.50	1.38		0.12	Xuân Phương	Sông Cầu
76	Đường Nguyễn Hồng Sơn đến Xóm vườn (tuyến Giao thông từ bến cá Dân Phước đến trường mầm non Xuân Thành).	6.50		5.50	1.00	Xuân Thành	Sông Cầu
77	Trạm y tế xã Xuân Cảnh.	0.15		0.15		Xuân Cảnh	Sông Cầu
78	Nhà văn hóa thể thao thôn Hòa Lợi.	0.30			0.30	Xuân Cảnh	Sông Cầu
79	Sân vận động xã (thôn Hòa Lợi).	1.30			1.30	Xuân Cảnh	Sông Cầu
80	Tạo quỹ đất ở từ diện tích đất manh mún - thôn Hòa Lợi (gần nhà ông Nghĩa).	0.02			0.02	Xuân Cảnh	Sông Cầu
81	Nâng cấp mở rộng trường mẫu giáo thôn Chánh Nam.	0.12	0.12			Xuân Thọ 1	Sông Cầu
VI	Huyện Sông Hinh	86.73	64.36	21.37	1.00		
82	Kè chống xói lở dọc theo Sông Ba.	3.50		3.50		Đức Bình Đông	Sông Hinh
83	Nhà sinh hoạt cộng đồng Buôn Quang Dù.	0.24	0.24			Đức Bình Tây	Sông Hinh
84	Trung tâm văn hóa thể thao xã.	0.47		0.47		Đức Bình Tây	Sông Hinh
85	Trạm Bảo vệ rừng.	0.06	0.06			Eatrol	Sông Hinh
86	Cửa hàng xăng dầu Km 86 +240 QL 29.	0.10	0.10			TT Hai Riêng	Sông Hinh
87	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Km 78+700 QL 29.	0.05	0.05			TT Hai Riêng	Sông Hinh
88	Nhà văn hóa - khu thể thao buôn Ma Sung.	0.33	0.33			EaBia	Sông Hinh
89	Nhà văn hóa thể thao buôn Dành B.	0.06		0.06		EaBia	Sông Hinh
90	Trường mẫu giáo.	0.05		0.05		EaBia	Sông Hinh

91	Dự án sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn kinh tế 2 xã Eatrol.	3.00	3.00			EaTrol	Sông Hinh
92	Dự án định canh định cư xen ghép huyện.	5.00	5.00			EaTrol EaBia	Sông Hinh
93	Dự án định canh định cư tập trung xã Ea Lâm.	8.00	8.00			Ea Lâm	Sông Hinh
94	Dự án định canh định cư tập trung xã EaBar.	9.20	9.20			EaBar	Sông Hinh
95	Dự án QH dân dân buôn Lê Diêm TT. Hai Riêng và Buôn Kít xã Sông Hinh.	5.00	5.00			TT Hai Riêng	Sông Hinh
96	Đường Trường Sơn Đông.	13.70	13.70			Ea Lâm Ea Ly Ea Bar	Sông Hinh
97	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Hà Giang.	0.18		0.18		Son Giang	Sông Hinh
98	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tân Giang.	0.20		0.20		Son Giang	Sông Hinh
99	Mở rộng trường THCS và THPT Võ Văn Kiệt.	0.52	0.52			Son Giang	Sông Hinh
100	Trạm bơm điện Hồ Trung tâm.	1.50		1.50		TT Hai Riêng	Sông Hinh
101	Trường THCS Ea Bia.	2.00	2.00			Ea Bia	Sông Hinh
102	Nhà văn hóa thôn Đức Hiệp.	0.10	0.10			Đức Bình Đông	Sông Hinh
103	Nhà văn hóa thôn Bình Giang.	0.57	0.57			Đức Bình Đông	Sông Hinh
104	Nhà văn hóa thôn Đức Hòa.	0.20	0.20			Đức Bình Đông	Sông Hinh
105	Nhà văn hóa thể thao.	0.24	0.24			Eatrol	Sông Hinh
106	Trường tiểu học xã EaLam.	0.23		0.23		Ea Lâm	Sông Hinh
107	Trường mẫu giáo xã.	0.13		0.13		Ea Lâm	Sông Hinh
108	Đường nội đồng.	4.00	4.00			Ea Lâm	Sông Hinh
109	Nhà văn hóa thể thao buôn Học.	0.24	0.24			Ea Lâm	Sông Hinh
110	Nhà văn hóa thể thao buôn Gao.	0.25	0.25			Ea Lâm	Sông Hinh
111	Đường nội đồng.	1.60	1.60			Ea Lâm	Sông Hinh

112	Quy hoạch giãn dân 03 điểm buôn Bai, buôn Giao và Buôn Học.	4.50	4.50			Ea Lâm	Sông Hinh
113	Điểm trường mẫu giáo Buôn Ken.	0.10	0.10			Ea Bá	Sông Hinh
114	Nhà văn hóa Buôn Ken.	0.20	0.20			Ea Bá	Sông Hinh
115	Bãi rác trung tâm xã.	0.50	0.50			Son Giang	Sông Hinh
116	Nhà văn hóa thôn 2/4.	1.00			1.00	Ea Ly	Sông Hinh
117	Nhà văn hóa và khu thể thao.	0.18	0.18			Ealy	Sông Hinh
118	Nhà văn hóa Khu phố 4.	0.05		0.05		TT Hai Riêng	Sông Hinh
119	Nghĩa địa tập trung Buôn Trinh.	3.00	3.00			Ea Bar	Sông Hinh
120	Quy hoạch khu dân cư buôn Trinh.	15.00		15.00		Ea Bar	Sông Hinh
121	Nhà văn hóa thôn 2A.	0.20	0.20			Sông Hinh	Sông Hinh
122	Nhà văn hóa thôn 3.	0.20	0.20			Sông Hinh	Sông Hinh
123	Nhà văn hóa thôn Hòa Sơn.	0.20	0.20			Sông Hinh	Sông Hinh
124	Nhà văn hóa thể thao Buôn Đức.	0.24	0.24			EaTrol	Sông Hinh
125	Nhà văn hóa thể thao Buôn Bàu.	0.24	0.24			EaTrol	Sông Hinh
126	Nhà văn hóa thể thao Buôn ken.	0.20	0.20			Ea Bá	Sông Hinh
127	Nhà văn hóa thể thao Buôn Chao.	0.20	0.20			Ea Bá	Sông Hinh
VII	Huyện Sơn Hòa	73.62	67.30	4.42	1.90		
128	Bãi đậu xe của Công ty TNHH Rượu Vạn Phát.	3.87	3.82	0.05		Son Hà	Son Hòa
129	Tuyến giao thông liên huyện Xuân Phước- Phú Hải (giai đoạn 2).	65.00	59.23	3.87	1.90	Phước Tân Sơn Hội	Son Hòa
130	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 25.	0.55	0.55			Suối Bạc	Son Hòa
131	Di dời dân cư vùng sạt lở Sông Ba. Hạng mục: San nền đất ở và đường giao thông tại khu phố Bắc Lý.	3.50	3.00	0.50		TT Củng Sơn	Son Hòa
132	Xây dựng chùa Linh Phước.	0.70	0.70			Son Long	Son Hòa
VIII	Huyện Tây Hòa	10.13	10.13	0.00	0.00		
133	Đường nội thị D11(đoạn từ đường N6 đến ĐT 1-1 dài khoảng 120m, thuộc khu QH trung tâm TT Phú thứ.	0.10	0.10			TT Phú Thứ	Tây Hòa
134	Hệ thống cấp nước tập trung Hòa Phú.	0.20	0.20			Hòa Phú	Tây Hòa
135	Trường TH số 2 Hòa Phong (Mỹ Thạnh Nam).	0.51	0.51			Hòa Phong	Tây Hòa

136	Mở rộng Dự án Nhà máy đường ăn kiêng, tinh bột sắn, tinh bột bắp, cồn, rượu và vườn ươm giống (đất thuộc cụm công nghiệp).	8.32	8.32			Sơn Thành Tây	Tây Hòa
137	Trạm thủy văn.	1.00	1.00			Hòa Mỹ Tây	Tây Hòa
IX	Huyện Đồng Xuân	2.87	2.78	0.09	0.00		
138	MR tuyến đường giao thông từ ĐT641 vào khu di tích lịch sử Chi bộ ĐCS đầu tiên ở Phú Yên.	0.10	0.08	0.02		TT La Hai	Đồng Xuân
139	Bến xe La Hai (đối diện NVH Long An).	0.50	0.50			TT La Hai	Đồng Xuân
140	Nhà sinh hoạt cộng đồng Suối Trường.	0.10	0.10			Xuân Quang 1	Đồng Xuân
141	Hố chứa rác thải xã Xuân Sơn Nam.	0.03	0.03			Xuân Sơn Nam	Đồng Xuân
142	Niệm phật đường xã Xuân Sơn Nam.	0.07	0,07			Xuân Sơn Nam	Đồng Xuân
143	MR chợ xã Đa Lộc.	0.07		0.07		Đa Lộc	Đồng Xuân
144	Trạm thủy văn Đa Lộc.	1.00	1.00			Đa Lộc	Đồng Xuân
145	Trạm thủy văn Xuân Quang 1.	1.00	1.00			Xuân Quang 1	Đồng Xuân

Phụ lục số 02

DANH MỤC

CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH PHẢI THU HỒI ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2015

(Kèm theo Nghị quyết số 146/NQ-HĐND, ngày 01/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

TT	Tên dự án, công trình	Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha)						Địa điểm thực hiện, dự án, công trình	
		Tổng diện tích	Trong đó					Xã, phường, thị trấn	Huyện, TX, TP
			Đất trồng lúa		Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất khác		
			Đất trồng lúa	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(7)	(8)	(9)
	TỔNG CỘNG	255.95	54.99	43.70	0.00	54.30	146.66		
I	Huyện Tuy An	26.85	13.75	12.23	0.00	0.00	13.10		
1	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới trung áp tỉnh Phú Yên.	0.01	0.01	0.01				An Chấn	Tuy An
2	Cụm trường mầm non xã An Chấn.	0.82	0.82					An Chấn	Tuy An
3	Đường vào trường THCS & THPT Nguyễn Việt Xuân.	0.12	0.12	0.12				An Nghiệp	Tuy An
4	Dự án thành phần Nâng cấp kè, đường giao thông, cống ngăn mặn và thoát lũ An Cư - An Hiệp - An Hòa.	12.00	3.70	3.00			8.30	An Cư An Hiệp An Hòa	Tuy An
5	Nâng cấp kênh tưới thuộc hệ thống thủy lợi hồ chứa nước đồng tròn.	13.90	9.10	9.10			4.80	An Nghiệp An Định	Tuy An
II	Huyện Đông Hòa	26.33	10.10	10.10	0.00	5.36	10.87		
6	Đồn Công an bảo vệ khu công nghiệp Hòa Hiệp.	0.50				0.50		Hòa Hiệp Bắc	Đông Hòa

7	Đường nội thị trục D5 thị trấn Hoà Vinh (đoạn từ trục N2 về QL29).	1.47	1.00	1.00			0.47	TT Hoà Vinh	Đông Hòa
8	Đường nội thị D4 thị trấn Hoà Vinh (đoạn từ N4A đến giáp QL29).	1.60	1.00	1.00			0.60	TT Hoà Vinh	Đông Hòa
9	Sân vận động huyện Đông Hòa.	2.56	1.30	1.30			1.26	TT Hoà Vinh	Đông Hòa
10	Khu tái định cư tiểu dự án 3.	11.62				4.86	6.76	Hòa Hiệp Trung	Đông Hòa
11	Khu tái định cư Hầm đường bộ Đèo Cả.	8.58	6.80	6.80			1.78	Hòa Xuân Nam	Đông Hòa
III	Thị xã Sông Cầu	64.84	1.09	0.25	0.00	18.06	45.69		
12	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới trung áp tỉnh Phú Yên.	0.02	0.01	0.01			0.01		Sông Cầu
13	Khu du lịch sinh thái Hòn Ngọc Bãi Tràm	27.20	0.00	0.00	0.00	3.20	24.00	Xuân Cảnh	Sông Cầu
	Khu nhà ở nhân viên.	3.20				3.20		Xuân Cảnh	Sông Cầu
	Khu vực mặt biển.	24.00					24.00	Xuân Cảnh	Sông Cầu
14	Nâng cấp mở rộng sân thể thao xã Xuân Hải.	1.26				1.26		Xuân Hải	Sông Cầu
15	Chợ Xuân Hải.	3.20				3.20		Xuân Hải	Sông Cầu
16	Trường tiểu học số 2 Xuân Hải.	1.00				1.00		Xuân Hải	Sông Cầu
17	Trạm y tế xã (thôn Triều Sơn).	0.15	0.15					Xuân Thọ 2	Sông Cầu
18	Cụm công nghiệp Triều Sơn.	5.36	0.26				5.10	Xuân Thọ 2	Sông Cầu
19	Mỏ đá vật liệu xây dựng thông thường xã Xuân Thịnh.	1.50				1.50		Xuân Thịnh	Sông Cầu
20	Đường giao thông nông thôn từ giáp QL 1A đến nhà máy bột cá Phú Bình.	0.49	0.01	0.01			0.48	Xuân Cảnh	Sông Cầu
21	Công trình cấp nước thôn Hòa Mỹ.	0.16	0.16	0.16				Xuân Cảnh	Sông Cầu
22	Mỏ cát phía tây Hòn Đụn thôn Phú Dương.	1.00				1.00		Xuân Thịnh	Sông Cầu
23	Trụ sở khu phố Triều Sơn Đông.	0.07	0.07	0.07				Xuân Đài	Sông Cầu
24	Trụ sở khu phố Bình Thạnh.	0.05	0.05					Xuân Đài	Sông Cầu
25	Trụ sở khu phố Chánh Bắc.	0.05	0.05					Xuân Thành	Sông Cầu
26	Xây dựng nhà văn hóa thôn Phương Lưu.	0.08	0.08					Xuân Thọ 1	Sông Cầu

27	Điểm dân cư Chánh Nam.	0.25	0.15				0.10	Xuân Thọ 1	Sông Cầu
28	Điểm dân cư thôn Phương Lưu.	0.10	0.10					Xuân Thọ 1	Sông Cầu
29	Hầm Đèo Cù Mông.	22.90				6.90	16.00	Xuân Lộc	Sông Cầu
IV	Huyện Tây Hòa	16.39	6.24	5.25	0.00	0.00	10.15		
30	Sửa chữa đường dây 110Kv nhánh rẽ NMTĐ Sông Hình hạng mục thay thế cột đỡ BTLT bằng cột neo thép tại vị trí 112 (SCL năm 2015).	0.01	0.01	0.01				Hòa Phong	Tây Hòa
31	Bãi đậu xe của Công ty cổ phần mía đường Tuy Hòa.	0.75	0.75	0.75				Hòa Phú	Tây Hòa
32	Dự án thành phần Kiên cố kênh chính và kênh nhánh - kênh Bắc và kênh Nam hệ thống thủy nông Đồng Cam.	9.00	2.50	2.50			6.50	Hòa Phú Hòa Phong Hòa Tân Tây	Tây Hòa
33	Khép kín điểm dân cư nông thôn thôn Phú Diễm Ngoài xã Hòa Đông.	0.80	0.80	0.80				Hòa Đông	Tây Hòa
34	Khép kín điểm dân cư nông thôn tại khu vực của Trường 5 Gian thôn Mỹ Thạnh Nam và xóm Lắm, thôn Mỹ Thạnh Trung 1, xã Hòa Phong.	0.50	0.50	0.50				Hòa Phong	Tây Hòa
35	Khép kín điểm dân cư nông thôn tại thôn Phước Mỹ, xã Hòa Bình 1.	0.66	0.66	0.66				Hòa Bình 1	Tây Hòa
36	Trụ sở khu phố Phú Thứ.	0.04	0.04					TT Phú Thứ	Tây Hòa
37	Trường Mầm non tập trung xã Hòa Mỹ Đông.	0.46	0.46					Hòa Mỹ Đông	Tây Hòa
38	Sân thể thao xã Hòa Đông.	0.23	0.23					Hòa Đông	Tây Hòa
39	Khép kín KDC đường vào chợ Hòa Thịnh để cấp đôi cho 3 hộ bị ảnh hưởng do thu hồi đất đường vào chợ và 1 hộ do mở rộng cầu nhỏ Hòa Thịnh.	0.18	0.18					Hòa Thịnh	Tây Hòa
40	Khép kín các khu dân cư rải rác trên địa bàn xã Hòa Mỹ Tây.	3.76	0.11	0.03			3.65	Hòa Mỹ Tây	Tây Hòa
V	Huyện Phú Hòa	24.69	13.50	9.17	0.00	0.00	11.19		

41	Công trình: Sửa chữa đường dây 110kV Tuy Hòa – Hòa Hiệp, Hạng mục: Thay thế cột néo BTLT vị trí 639 bằng cột thép (SCL năm 2015).	0.01	0.01	0.01				Hòa Thắng	Phú Hòa
42	Cửa hàng xăng dầu ngã ba Km 10+500 xã Hòa An - Hòa Thắng.	0.20	0.20					Hòa Thắng	Phú Hòa
43	Cửa hàng xăng dầu Km22 - Km23 QL25 xã Hòa Định Tây (phía trái đầu nối vào huyện).	0.10	0.10	0.10				Hòa Định Tây	Phú Hòa
44	Đất khép kín khu dân cư thôn Cẩm Thạch, xã Hòa Định Tây.	0.08	0.08					Hòa Định Tây	Phú Hòa
45	Quy hoạch chi tiết phân lô khu dân cư nông thôn Hòa Trị (khu 1) huyện Phú Hòa.	1.50	1.50	1.50				Hòa Trị	Phú Hòa
46	Đường GTNT xã Hoà Định Đông, đoạn kho 3 thôn Định Thái đến nghĩa trang.	0.21	0.21	0.21				Hoà Định Đông	Phú Hòa
47	Đường ô tô đến trung tâm xã Hoà Định Đông.	4.80	3.90				0.90	Hoà Trị, Hoà Quang Nam, Hoà Quang Bắc và Hoà Định Đông	Phú Hòa
48	Đường giao thông Khu công nghiệp-Thương mại huyện Phú Hoà.	1.14	0.94	0.94			0.20	Hoà An	Phú Hòa
49	Giao đất ở cho hộ nghèo.	0.04	0.04	0.04				Thị trấn Phú Hoà	Phú Hòa
50	Đường vào làng nghề bó chổi Mỹ Thành.	0.15	0.15					Hoà Thắng	Phú Hòa
51	Đổi đất lấy cơ sở hạ tầng.	2.00	2.00	2.00				Hòa An	Phú Hòa
52	Tuyến đường Đồng Lãnh – Ngọc Sơn.	0.29	0.20	0.20			0.09	Hoà Quang Bắc	Phú Hòa

53	Dự án thành phần Kiên cố kênh chính và kênh nhánh - kênh Bắc và kênh nam hệ thống thủy nông đồng cam.	12.00	2.00	2.00			10.00	Hòa Thắng Hòa Quang Nam Hòa Trị Hòa Định Đông	Phú Hòa
54	Nhà Văn Hoá Thôn Cẩm Thạch.	0.17	0.17	0.17				Hòa Định Tây	Phú Hòa
55	Khu dân cư xã Hòa An.	2.00	2.00	2.00				Hòa An	Phú Hòa
VI	Thành phố Tuy Hòa	30.27	1.73	1.12	0.00	21.03	7.51		
56	Khu du lịch sinh thái Sao Việt (Khu du lịch sinh thái Sao Mai).	23.36	0.00	0.00	0.00	19.35	4.01	An Phú	Tuy Hòa
	Khu đất liền.	20.16				19.35	0.81	An Phú	Tuy Hòa
	Khu mặt nước .	3.20					3.20	An Phú	Tuy Hòa
57	Dự án thành phần Kiên cố kênh chính và kênh nhánh - kênh Bắc và kênh nam hệ thống thủy nông đồng cam.	4.00	0.50	0.50			3.50	Hòa Kiến Bình Kiến phường 9	Tuy Hòa
58	Đài hướng dẫn đường DVOR/DME Tuy Hòa do Công ty TNHH kỹ thuật quản lý bay.	0.50	0.50	0.50				Phú Thạnh	Tuy Hòa
59	Trường Mầm non công lập Hòa Kiến (PT Tường Quang).	0.14	0.14					Hòa Kiến	Tuy Hòa
60	Mở rộng trường tiểu học Nguyễn Việt Xuân.	0.12	0.12	0.12				Hòa Kiến	Tuy Hòa
61	Công trình Mở rộng UBND xã Hòa Kiến.	0.18	0.18					Hòa Kiến	Tuy Hòa
62	Khu nhà ở cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn Tỉnh.	1.68				1.68		Phú Thạnh	Tuy Hòa
63	Công trình Nhà sinh hoạt văn hóa thôn Phú Liên.	0.07	0.07					Bình Kiến	Tuy Hòa
64	Công trình Trường Mầm Non Phú Lương.	0.08	0.08					Bình Kiến	Tuy Hòa
65	Mở rộng diện tích xây dựng chùa Kim Quang.	0.14	0.14					An Phú	Tuy Hòa
VII	Huyện Đồng Xuân	66.58	8.58	5.58	0.00	9.85	48.15		

66	ĐZ 22KV đầu nối sau trạm biến áp 110 Kv Đông Xuân.	0.10	0.04	0.04			0.06		Đông Xuân
67	Công trình tuyến đường bộ nối 2 tỉnh Phú Yên – Gia Lai đoạn trên địa bàn tỉnh Phú Yên (Giai đoạn 2).	46.18	2.54	2.54		8.65	34.99	Xuân Quang 1 Phú Mỹ	Đông Xuân
68	Đài quan sát Phòng không súng máy 12,7ly.	1.20				1.20		TT La Hai	Đông Xuân
69	Dự án thành phần Nâng cấp kênh tưới thuộc hệ thống thủy lợi hồ chứa nước đồng tròn.	1.10	0.50	0.50			0.60	Xuân Sơn Nam	Đông Xuân
70	Dự án thành phần Nâng cấp đập dâng Suối Cầu và đường quản lý kết hợp giao thông.	18.00	5.50	2.50			12.50	Xuân Phước	Đông Xuân